Ngày thực hiện : 17/09/2024 **TUẦN 2**

**TIẾNG VIỆT*(Tiết 13 +1 4) Viết chữ hoa Ă, Â***

***Từ chỉ sự vật- Câu kiểu Ai là gì?***

**I. Yêu cầu cần đạt:**

\*Kiến thức:

1. Viết đúng kiểu chữ hoa Ă, Â và câu ứng dụng.

2. Bước đầu làm quen với từ chỉ sự vật và câu giới thiệu. Tìm và đặt được câu giới thiệu một bạn cùng lớp.

3. Trao đổi được những việc em cần làm để không lãng phí thời gian cuối tuần

\* Phẩm chất, năng lực.

- Có ý thức thẩm mỹ khi viết chữ.

- Rèn cho HS tính kiên nhẫn, cẩn thận, biết quý trọng thời gian.

***II. Chuẩn bị:***

GV : Mẫu chữ viết hoa Ă, Â.

* Thẻ từ để ghi các từ ngữ ở Bài tập 3.
* Ảnh hoặc tranh vẽ các bạn trong lớp để chơi trò chơi.
* Máy tính, máy chiếu (nếu có).

HS : SHS, VTV

***III. Các hoạt động dạy học:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***TG*** | ***HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN*** | ***HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH*** |
| ***3’*** | ***A. Hoạt động khởi động:***  - GV cho HS bắt bài hát  - GV giới thiệu bài: Tập viết chữ hoa Ă, Â và câu ứng dụng Ăn chậm nhai kĩ  - GV ghi bảng tên bài | * Hs hát * HS lắng nghe |
| ***10’*** | ***B. Khám phá và luyện tập***  ***2. Viết***  **2.1. Luyện viết chữ Ă, Â hoa**  – Cho HS quan sát mẫu chữ Ă hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của con chữ Ă hoa.  – GV yêu cầu HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ Ă hoa.   * Y/c HS quan sát và so sánh chữ Ă, Â hoa   – GV yêu cầu HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ Â hoa.  – GV yêu cầu HS viết chữ A hoa vào bảng con.  – HD HS tô và viết chữ A hoa vào VTV. | ***-*** HS quan sát mẫu  – HS quan sát GV viết mẫu   * HS so sánh và nêu   – HS quan sát GV viết mẫu  – HS viết chữ A hoa vào bảng con, VTV |
| ***10’*** | ***2.2. Luyện viết câu ứng dụng***  – GV yêu cầu HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng “Ăn chậm nhai kĩ.”  – GV nhắc lại quy trình viết chữ Ă hoa và cách nối từ chữ Ă hoa sang chữ n.  – GV viết chữ Ăn.  – GV yêu cầu HS viết chữ Ăn và câu ứng dụng “Ăn chậm nhai kĩ.” vào VTV | – HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng  – HS nghe GV nhắc lại quy trình viết   * HS quan sát   – HS viết |
| ***7’*** | ***2.3. Luyện viết thêm***  – Cho HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ca dao:  *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*  *Ăn khoai nhớ kẻ cho dây mà trồng*  – GV yêu cầu HS viết chữ Ă hoa, chữ Ăn và câu ca dao vào VTV. | – HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ca dao   * HS viết |
| ***5’*** | ***2.4. Đánh giá bài viết***  – GV yêu cầu HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.  – GV nhận xét một số bài viết. | – HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.  – HS nghe GV nhận xét một số bài viết. |
| ***12’*** | ***3. Luyện từ***  - GV mời 1HS đứng dậy đọc yêu cầu Bài tập 3 SHS trang 20:  ***-*** GV hướng dẫn HS: quan sát tranh, đọc mẫu, tìm từ ngữ phù hợp với từng tranh. Mỗi HS có thể nói các từ ngữ khác nhau, ví dụ: bạn nam, bạn nữ/đôi bạn.  - GV mời đại diện 2-3 HS đại diện trình bày kết quả.  - GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi, yêu cầu HS tìm thêm những từ ngữ chỉ sự vật ngoài bài tập. | – HS xác định yêu cầu  - HS làm việc theo nhóm theo yêu cầu  - HS trả lời: Các từ ngữ chỉ sự vật trong từng bức tranh:  + Tranh 1: Cô giáo.  + Tranh 2: Đôi bạn.  + Tranh 3: Quyển sách.  + Tranh 4: Cái bút.  + Tranh 5: Con mèo.  + Tranh 6: Con trâu.  + Tranh 7: Cây dừa.  + Tranh 8: Cây cam.  - HS trả lời: Những từ ngữ chỉ sự vật ngoài bài tập: xe ô tô, cái bàn, quyển vở, hộp bút, cây mít, thầy giáo,... |
| ***13’*** | ***4. Luyện câu***  **4.1. Nhận diện câu giới thiệu**  - GV mời 1HS đứng dậy đọc yêu cầu Bài tập 4a: Câu nào dưới đây dùng để giới thiệu?   * Em là học sinh lớp Hai. * Em rất thích học bơi. * Em đang tập thể dục.   - GV hướng dẫn, giải thích cho HS khái niệm câu giới thiệu. Câu giới thiệu là câu được dùng để cho biết một vài điều cần thiết như họ tên, nghề nghiệp, chức vụ, quan hệ,...của bản thân hoặc một người đó.  - GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi. Dựa vào khái niệm câu giới thiệu GV vừa giải thích ở trên để tìm câu trả lời đúng.  - GV mời 2-3 HS đại diện trình bày kết quả.  - GV mời 1 HS đứng dậy trả lời câu hỏi: Tại sao em lại chọn đáp án Em là học sinh lớp 2 là câu giới thiệu?  **4.2. Đặt câu giới thiệu**  C:\Users\HP\OneDrive\Desktop\Screenshot_22.png- GV yêu cầu 1HS đứng dậy đọc yêu cầu Bài tập 4b: Đặt câu giới thiệu bạn cùng lớp (theo mẫu)  - GV hướng dẫn HS quan sát mẫu câu.  - GV tổ chức cho HS chơi trò chuyền hoa, nói miệng câu em đặt về bạn cùng lớp.  - GV nhận xét về các câu HS nói, chỉnh sửa nếu HS nói sai.  - GV yêu cầu HS viết vào vở bài tập 1-2 câu giới thiệu về bạn học cùng lớp.  **C. VẬN DỤNG**  - GV mời 1HS đứng dậy đọc yêu cầu câu hỏi: Trao đổi những việc em cần làm để không lãng phí thời gian cuối tuần.  - GV hướng dẫn HS nội dung có thể trao đổi với bạn bè hoặc người thân:  + Những việc em thường làm vào cuối tuần và thời gian em làm mỗi việc.  + Những khoảng thời gian trống.  + Những việc em nên làm vào khoảng thời gian trống.  ***Bước 2: Hoạt động nhóm***  - GV mời đại diện 2-3 HS nói trước lớp.  - GV dặn dò HS trao đổi với người thân tại nhà. | * HS xác định yêu cầu BT   - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS thảo luận nhóm đôi  - HS trả lời: Đáp án đúng là Em là học sinh lớp 2.  - HS trả lời: Vì câu Em là học sinh lớp 2 cho biết, giới thiệu thông tin của bạn nhỏ này là học sinh lớp 2.   * HS đọc y/c BT   - HS quan sát mẫu câu.  - HS chơi trò chơi.  - HS lắng nghe, tự soát câu của mình.  - HS viết bài vào vở.  - HS lắng nghe, chuẩn bị câu trả lời cho mỗi câu hỏi gợi ý.  - HS trả lời.  - HS thực hiện hoạt động ở nhà |
| ***3’*** | ***D. Củng cố - nối tiếp:***  GV cùng HS nêu lại nội dung bài  - Nhận xét, đánh giá.  - Về học bài, chuẩn bị | - Nhận xét, tuyên dương.  - Về học bài và chuẩn bị bài cho tiết sau. |

**IV. Điều chỉnh bổ sung sau tiết dạy:**

………………………………………………………………………………………………………….………………………………………………………………………………………………………….………………………………………………………………………………………………